



VIET TIN SECURITIES

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016**

I, Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**

Tên giao dịch : **VIET TIN SECURITIES STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **VTSS**

Trụ sở chính : **Tầng 1 & 2 Toà nhà 40 Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Website : www.viettin.vn

Email : info@viet-tin.com

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số:

- 24/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 12 năm 2006 ;
- 107/UBCK-GPĐCCTCK ngày 12 tháng 2 năm 2008;
- 191/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 2 năm 2009;
- 44/UBCK-GCN ngày 27 tháng 2 năm 2009;
- 284/UBCK-GP ngày 4 tháng 12 năm 2009;
- 361/UBCK- GP ngày 21 tháng 10 năm 2010

Vốn điều lệ : **138.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ đồng).**

2. Quá trình hình thành và phát triển

Những sự kiện quan trọng:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín được Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng

12 năm 2006. Vốn điều lệ của Công ty khi được cấp Giấy phép là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

- Ngày 4 tháng 1 năm 2007 VTSS là Thành viên lưu ký theo Giấy chứng nhận số: 39/GCNTVLK của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- Ngày 23 tháng 1 năm 2007 Trung Tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội công nhận VTSS là Thành viên theo Quyết định số: 08/QĐ-TTGDHN;
- Ngày 17 tháng 5 năm 2007 VTSS chính thức là Thành viên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số: 38/QĐ-TTGDHCM;
- Ngày 12 tháng 2 năm 2008 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số: 107/UBCK-GPĐCCTCK, cho phép VTSS tăng vốn điều lệ lên: 71.428.600.000 đồng (Bảy mươi một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).
- Ngày 27 tháng 2 năm 2009 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số: 191/UBCK-GPĐC và 44/UBCK-GCN, cho phép VTSS thực hiện các nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Lưu ký Chứng khoán.
- Ngày 28 tháng 7 năm 2009 Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh chấp thuận VTSS là Thành viên giao dịch trực tuyến tại Quyết định số: 76/QĐ-SGDHCM;
- Ngày 4 tháng 12 năm 2009 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số: 284/UBCK-GP cho phép VTSS chuyển trụ sở chính đến số 40 Phan Bội Châu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Bà Trương Thị Hoàng Lan được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc công ty tại công văn đồng ý của UBCKNN số 1485/UBCK-QLKD Ngày 22 tháng 7 năm 2009 .
- Ngày 11 tháng 8 năm 2009 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội công nhận VTSS là Thành viên Hệ thống đăng ký giao dịch tại Quyết định số: 455/QĐ-SGDHN
- Ngày 9 tháng 11 năm 2009, UBCKNN cấp Quyết định số: 761/QĐ-UBCK, chấp thuận cho cổ đông là Công ty TNHH L-R Global Việt Nam chuyển nhượng 2.142.860 cổ phần, tương đương 30% vốn điều lệ cho bà Hoàng Ngân Hà.
- Ngày 9 tháng 3 năm 2010 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho phép VTSS tham gia Giao dịch trực tuyến tại Quyết định số 131/QĐ-SGDHN;
- Ngày 28 tháng 9 năm 2010 bà Trần Thị Mai được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc công ty theo Quyết định số: 009/QĐ-HĐQT/VTSS của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Chứng khoán Việt Tín;

- Ngày 21 tháng 10 năm 2010 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số: 361/UBCK-GP, cho phép VTSS tăng vốn điều lệ lên 138.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám tỷ đồng);
- Ngày 25 tháng 1 năm 2012 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Quyết định số: 109/QĐ-UBCK chấp thuận cho Công ty Chứng khoán Việt Tín đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến.
- Ngày 4 tháng 5 năm 2012 UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh số: 84/GPĐC – UBCK cho phép VTSS được rút nghiệp vụ tự doanh.
- Ngày 1 tháng 8 năm 2012 Hội đồng quản trị công ty VTSS quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc của bà Trần Thị Mai.
- Ngày 1 tháng 6 năm 2013 Hội đồng quản trị công ty VTSS quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc của bà Trương Thị Hoàng Lan đồng thời bổ nhiệm ông Vũ Thế Long làm Quyền Tổng giám đốc.
- Ngày 9 tháng 6 năm 2014, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm ông Lê Quang Tiến làm Tổng giám đốc Công ty đồng thời quyết định miễn nhiệm chức danh quyền Tổng giám đốc của ông Vũ Thế Long.
- Ngày 6 tháng 10 năm 2014 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Quyết định số: 547/QĐ-SGDHN chấp thuận cho VTSS được giao dịch trực tuyến UPCoM tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 22 tháng 4 năm 2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Quyết định số: 417/QĐ-UBCK chấp thuận cho VTSS được cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến. (sau khi quyết định số 109/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2011 hết hạn)

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- *Ngành nghề kinh doanh:*

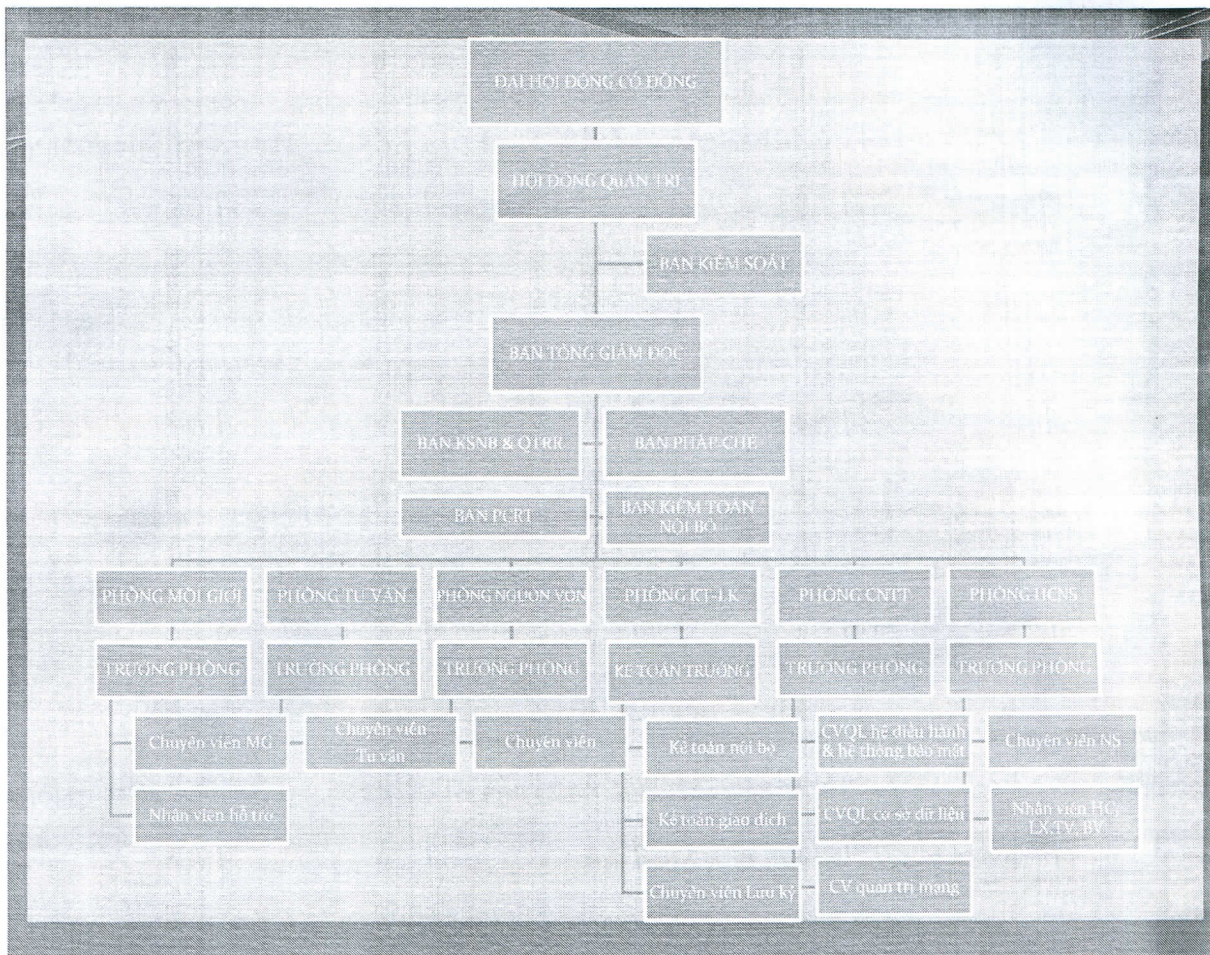
- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

- *Địa bàn kinh doanh:*

Tầng 1 và 2 số 40 Phan Bội Châu, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà nội.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín bao gồm:

- Đại Hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc
- Ban Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro
- Ban kiểm toán nội bộ
- Ban phòng chống rửa tiền
- Ban Pháp chế

- Phòng Môi giới
- Phòng Tư vấn tài chính
- Phòng Nguồn vốn
- Phòng Tư vấn Tài chính
- Phòng Kế toán và Lưu ký
- Phòng Công nghệ thông tin
- Phòng Hành chính Nhân sự

5. Định hướng phát triển

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt Tín (VTSS) được cấp phép các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán. Công ty xây dựng định hướng phát triển trung hạn và dài hạn đảm bảo phát triển nguồn vốn và tài sản của Công ty. Mục tiêu là đưa VTSS vào danh sách Công ty chứng khoán được khách hàng tin tưởng tại Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu đề ra, công ty đã hoạch định các chính sách cụ thể như sau:

- Hoàn thiện các quy trình, điều chỉnh các cơ chế, chính sách nhằm tăng chất lượng dịch vụ môi giới;
- Đảm bảo năng lực triển khai đầy đủ các loại hình tư vấn tài chính;
- Xây dựng danh mục đầu tư hiệu quả;
- Phát triển các mối quan hệ với các định chế tài chính lớn;
- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ cao, chuyên nghiệp;
- Ưu tiên đầu tư cho công nghệ, thích ứng với các nghiệp vụ phức tạp, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Tăng thị phần
- Mở rộng thị trường truyền thống, đồng thời tạo niềm tin để tăng thêm các nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản giao dịch tại Công ty.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Số lượng người lao động và mức lương trung bình của người lao động:

Số lượng người lao động:

Đến thời điểm hiện tại, VTSS có tổng số nhân viên là: 22 người, trong đó:

Theo HĐLĐ dài hạn: 19 người, trong đó: 11 là nữ và 8 nam

Cộng tác viên: 3 người

Mức lương trung bình: *chỉ số này là bảo mật*

A. Chính sách sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

VTSS tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội cho người lao động. Lao động nữ được hưởng đầy đủ chế độ thai sản theo đúng Luật Lao động.

Năm 2016 Công ty đã tổ chức cho nhân viên đi tham quan và có hoạt động gắn kết các gia đình nhân viên với nhau thông qua việc tổ chức Lễ hội Trung thu cho các cháu thiếu nhi và tổ chức Tiệc cuối năm, tạo điều kiện cho gia đình các nhân viên làm việc trong công ty có dịp gặp gỡ, giao lưu và chia sẻ với nhau. Ngoài ra, lãnh đạo công ty đã quan tâm đến việc rèn luyện sức khỏe cho nhân viên thông qua việc tổ chức lớp học Yoga...

Hàng năm, để đảm bảo môi trường làm việc của công ty nói chung và nhân viên VTSS nói riêng được an toàn, tòa nhà nơi có trụ sở làm việc của VTSS được trang bị thiết bị phòng chống cháy nổ và tập rượt phòng cháy chữa cháy theo đúng hướng dẫn của công an Phòng cháy chữa cháy Quận và Thành phố.

Môi trường cảnh quan văn phòng VTSS được khách hàng đánh giá là một trong những địa điểm văn phòng đẹp tại Hà Nội. Văn phòng làm việc không bị bó hẹp trong thiết kế văn phòng cứng nhắc, mà được bài trí đẹp mắt, tạo không khí làm việc thoải mái cho nhân viên.

B. Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho người lao động; Chương trình đào tạo kỹ năng và đào tạo liên tục để hỗ trợ việc làm cho người lao động và phát triển sự nghiệp:

Do đặc thù là công ty chứng khoán nên ban lãnh đạo VTSS đề cao việc thường xuyên nhắc nhở người hành nghề chứng khoán tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và nghiên cứu đầy đủ các chính sách, văn bản liên quan đến quản trị rủi ro, phòng chống rửa tiền.

VTSS khuyến khích, tạo điều kiện cho nhân viên được đi đào tạo nâng cao bằng cấp hoặc các khóa học chuyên môn nếu họ có nhu cầu.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro thị trường.
- Rủi ro thanh toán.
- Rủi ro hoạt động.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- a. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây: Công ty đã có 2.851 tài khoản tính đến thời điểm cuối năm
- b. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm:

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (cp)	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (VND)
Cổ phiếu	21.818.165	379.134.190.000
Trái phiếu		
Chứng khoán khác		
Tổng cộng	21.818.165	379.134.190.000

- c. Tổng phí môi giới thực hiện trong năm: 789.656.495 đồng
- d. Chi phí hoạt động và quản lý trong năm: 10.708.760.473 đồng
- e. Lợi nhuận sau thuế trong năm: (10,013,319,836) đồng

Năm 2016, lợi nhuận sau thuế của Công ty lỗ, tăng 21% so với năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu là do tình hình kinh doanh năm vừa qua không thuận lợi. Hơn nữa, chi phí quản lý cũng tăng do trích lập bổ sung khoản dự phòng từ các khoản phải thu. Vì vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 không đạt được so với kế hoạch đề ra ban đầu.

2. Tổ chức và nhân sự:

- a. **Hội Đồng Quản Trị (03):** Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, ủy viên HĐQT
- b. **Ban kiểm soát:** 01 trưởng ban
- c. **Ban kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro (03):** 01 trưởng ban kiểm soát nội bộ, 01 kiểm soát viên nội bộ, 1 trưởng ban quản trị rủi ro
- d. **Ban kiểm toán nội bộ:** 01 trưởng ban
- e. **Ban Phòng chống rửa tiền:** 01 chuyên viên
- f. **Ban Tổng Giám đốc (01):** bao gồm 01 Tổng giám đốc
- g. **Ban pháp chế (01):** bao gồm 01 chuyên viên
- h. **Phòng Môi giới (04):** gồm 1 trưởng phòng và 3 chuyên viên môi giới
- i. **Phòng Tư vấn Tài chính (03):** bao gồm 03 chuyên viên

j. Phòng Nguồn vốn:

k. Phòng Kế toán và Lưu ký (05): bao gồm 01 Kế toán trưởng, 01 Thủ quỹ, 02 kế toán lưu ký, 01 kế toán giao dịch

l. Phòng IT (04): bao gồm 01 Trưởng phòng và 03 chuyên viên

m. Phòng HCNS (01): bao gồm 01 chuyên viên

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Ông Lê Quang Tiến - Tổng Giám đốc:

Họ và tên: Lê Quang Tiến

Ngày sinh: 07/10/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 011830045 cấp ngày: 01/04/1994 tại: Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P302 E7 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Tài chính ngân hàng

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
2001-2006	Trường ĐHKT Quốc Dân	Tài Chính Ngân Hàng	Không	Không

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
3/2007 - 5/2014	Công ty CP Chứng khoán Việt Tín	Phó phòng môi giới	Không	Không
6/2014 đến nay	Công ty CP Chứng khoán Việt Tín	Tổng giám đốc	Không	Không

Cử nhân tài chính ngân hàng với hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Ban lãnh đạo xác định cần phải tập trung tích lũy các khoản lợi nhuận phục vụ cho việc mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh trong những năm tới, nên Ban Giám đốc chỉ nhận các khoản lương, thưởng phù hợp tương ứng với vị trí điều hành như những người lao động.

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ và đúng các chính sách về lao động theo quy định của pháp luật cho nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách thưởng theo doanh thu, theo hiệu quả công việc vào mỗi kỳ đánh giá và hàng năm đều có thưởng vào ngày lễ, tết và tổ chức cho nhân viên đi tham quan, du lịch...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a. Các khoản đầu tư lớn : không có.
- b. Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	109.583.828.890	97.292.500.779	(11.22)
Doanh thu thuần	1.551.404.511	789.656.495	(49.10)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(8.232.968.551)	(9.854.157.128)	19.69
Lợi nhuận khác	(68.416.418)	(159.162.708)	132.64
Lợi nhuận trước thuế	(8.301.384.969)	(10.013.319.836)	20.62
Lợi nhuận sau thuế	(8.301.384.969)	(10.013.319.836)	20.62
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLD/Nợ ngắn hạn	18.88	37.46	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLD - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2.60	4.99	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.04	0.02	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.04	0.02	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.01	0.01	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(5.31)	(12.48)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0.08)	(0.10)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0.076)	(0.103)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(5.35)	(12.68)	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): 13.800.000
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: Công ty chưa IPO

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): Không có
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: Công ty không có kế hoạch chia cổ tức năm 2016.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Trong năm qua, VTSS không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.2 Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động: năm 2016, VTSS có tổng số nhân viên là: 22 người (trong đó hợp đồng lao động dài hạn 19 người, cộng tác viên 3 người)

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: VTSS luôn đề cao lợi ích của người lao động và bảo vệ tối đa lợi ích của người lao động như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, có chế độ đãi ngộ tốt với những nhân viên làm việc lâu năm, tổ chức những buổi giao lưu gặp gỡ giữa nhân viên trong Công ty qua các sự kiện của năm như 8/3, Trung Thu, cuối năm...

- Hoạt động đào tạo người lao động: VTSS tổ chức một số buổi học tập nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Đồng thời luôn tạo điều kiện để người lao động có thể học chuyên sâu và nâng cao (nếu có nhu cầu).

III, Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015	Biến động (%)
Doanh thu hoạt động	789,656,495	1,489,539,727	(47)
Chi phí hoạt động và quản lý	10,708,760,473	9,784,373,062	9
Lợi nhuận sau thuế	(10,013,319,836)	(8,301,384,969)	21

So với kế hoạch đề ra từ đầu năm, toàn bộ các chỉ tiêu về lợi nhuận, doanh số của Công ty đều giảm. Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2016 lỗ tăng 21% là do doanh thu năm 2016 giảm 47% so với cùng kỳ năm ngoái trong khi đó chi phí lại tăng 9%.

Từ năm 2015 trở lại đây, thị trường chứng khoán nói chung diễn ra cũng khá sôi nổi và giá cổ phiếu có biến động tăng lên. Khối lượng giao dịch trên thị trường cũng tăng lên nhưng vẫn không bền vững và biến động mạnh. Nhà đầu tư cũng đầu tư dè chừng.

Do tình hình kinh tế khó khăn chung của thị trường chứng khoán, đã tác động rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, dẫn đến doanh thu về hoạt động môi giới giảm. Đây chính là nguyên nhân chủ yếu làm cho kết quả kinh doanh của Công ty không đạt so với kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên, Công ty vẫn đạt được những tiến bộ trong năm qua như:

- Ban lãnh đạo Công ty chú trọng và đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực thông qua các buổi đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên, quan tâm đến đời sống của nhân viên cũng như chế độ lương thưởng để nhân viên có thể gắn bó lâu dài với Công ty.

- Xây dựng hệ thống chăm sóc khách hàng qua điện thoại, nhằm phát triển hoạt động môi giới của Công ty cũng như mạng lưới khách hàng rộng khắp cả nước.

- Nâng cấp tính năng mới cho phần mềm chứng khoán giúp khách hàng có thể thuận tiện hơn trong việc giao dịch...

2. Tình hình tài chính:

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

- + Khả năng thanh toán nhanh: 4.99 lần
- + Khả năng thanh toán hiện hành: 59.11 lần
- + Tài sản dài hạn/tổng tài sản: 36.63 %
- + Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản: 63.37 %
- + Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 1.69 %
- + Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn: 98.31 %
- + ROE: (10.3) %
- + EPS: (726) đồng/CP

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo

- + Tổng tài sản: 97.29 tỷ
- + Tổng nợ phải trả: 1.65 tỷ
- + Nguồn vốn chủ sở hữu: 95.64 tỷ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2016, Công ty đã đạt được tiến bộ trên nhiều phương diện:

- Về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Công ty đã hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý của mình với đội ngũ quản lý và nhân viên có trình độ cao, đủ chứng chỉ và bằng cấp theo yêu cầu, đáp ứng đòi hỏi của lĩnh vực hoạt động. Các phòng ban có sự liên hệ qua lại và cộng tác trong công việc.

- Các biện pháp kiểm soát: Công ty đã ra quy trình kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo tất cả các quy định của Nhà nước và quy chế quản lý của Công ty đều được tuân thủ nghiêm ngặt với phương châm tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư và giảm thiểu rủi ro.

- Hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ nhanh chóng, thuận tiện, bảo mật cho khách hàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự báo thị trường chứng khoán 2017:

Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg về Chiến lược tài chính đến năm 2020 và Quyết định số 252/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 thì đến năm 2020, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu phần đầu đạt khoảng 70% GDP và tổng dư nợ trái phiếu khoảng 30% GDP. Để có thể đạt được mục tiêu này, rất cần có sự ủng hộ của Chính phủ, Bộ Tài chính và các cấp Bộ, ngành để thị trường có thể phát triển nhanh, mạnh, vững chắc và có mức tăng trưởng đột phá.

Năm 2017 được dự báo là kinh tế vĩ mô sẽ tiếp tục hồi phục, công cuộc cải cách của Chính phủ cũng sẽ tiếp tục tạo đà cho sự phát triển kinh tế, TTCK Việt Nam sẽ có sự tăng trưởng về quy mô, tiếp tục diễn biến ổn định với thanh khoản được cải thiện hơn. Cùng với đó, vấn đề thu hút dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài của Việt Nam sẽ tiếp tục được cải thiện thông qua việc trình ban hành Luật Chứng khoán sửa đổi, trong đó sẽ có sự tháo gỡ vướng mắc trong vấn đề dòng vốn đầu tư gián tiếp.

Bên cạnh việc tiếp tục đẩy nhanh tiến độ niêm yết, đăng ký giao dịch đối với các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa có quy mô lớn trên thị trường chứng khoán (TTCK) và giảm tỷ lệ sở hữu Nhà nước để tăng tính hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài, trong thời gian tới, ngành Chứng khoán tiếp tục thực hiện các nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng hàng hóa niêm yết, phát triển các sản phẩm

mới như Covered Warrant, chính thức vận hành thị trường chứng khoán phái sinh; phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, phát triển cơ sở nhà đầu tư, triển khai vấn đề nâng hạng TTCK Việt Nam trong bảng xếp hạng MSCI. Ngoài ra, đối với việc tái cơ cấu tổ chức giao dịch TTCK, từng bước thực hiện sắp xếp lại các mảng thị trường, phát triển hạ tầng công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài trong việc tiếp cận TTCK Việt Nam.

Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Để bắt kịp xu hướng phát triển chung của thị trường chứng khoán thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Việt Tín (VTSS) cũng cần nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh với các bước kế hoạch phát triển trong tương lai như sau:

- Dự kiến công ty sẽ tăng vốn điều lệ bằng cách bán cho cổ đông hiện hữu hoặc chào bán riêng lẻ khi thời điểm phù hợp.

- Tổ chức tham dự, học tập nghiên cứu các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng, khả năng của cán bộ, nhân viên trong công ty, giúp hoàn thiện tốt công việc hiện tại và trong tương lai. VTSS coi đào tạo là một cách đầu tư vào nguồn nhân lực của Công ty, giúp công ty nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty.

- Chính sách phát triển: Ban Lãnh đạo đề cao trách nhiệm phát hiện và bồi dưỡng nhân tài để trao trọng trách. Sự đóng góp của nhân viên được khích lệ, động viên kịp thời và xứng đáng dưới hình thức vật chất và tinh thần. Các mục tiêu dài hạn và ngắn hạn được truyền đạt đến từng nhân viên nhằm triển khai và phát huy tối đa hiệu quả của từng cá nhân và tập thể.

- Công ty sẽ tận dụng khai thác các đối tượng khách hàng hiện có tại công ty và hướng đến những khách hàng mới tiềm năng có nhu cầu đầu tư, tìm hiểu về thị trường chứng khoán và tận dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để phát triển địa bàn hoạt động cũng như cung cấp các dịch vụ tiện ích cho khách hàng. Đồng thời, công ty cũng hướng tới khai thác các khách hàng là các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài thông qua những quan hệ sẵn có của các công ty đối tác trong tập đoàn.

- Mở rộng các hình thức tiếp cận, marketing đến các khách hàng cá nhân, tổ chức tiềm năng các sản phẩm, dịch vụ của công ty hiện có.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước nâng cao tăng trưởng thị phần giao dịch theo từng năm và công ty hoạt động an toàn, hiệu quả.

- Nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch để phù hợp với những thay đổi từ ủy ban chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán tạo điều kiện thuận lợi, tiện dụng nhất dành cho khách hàng khi giao dịch.

- Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự, công văn giấy tờ cho bộ phận hành chính; phần mềm quản lý công việc phục vụ cho trường bộ phận và ban giám đốc. Qua đó, mỗi trưởng bộ phận, BGĐ có thể chủ động kiểm tra và đôn đốc nhân sự hiệu quả hơn.

- Tăng cường chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên IT. Cho nhân viên IT tham dự các khóa đào tạo nâng cao về nghiệp vụ công nghệ trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và các nghiệp vụ về bảo mật hệ thống.

- Công ty sẽ phát triển và giữ vững thị phần ở mức ổn định, hoạt động an toàn hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng phục vụ và đa dạng hóa các dịch vụ

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

(Theo nội dung các mục tiêu phát triển bền vững)

IV, Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Năm 2016 vẫn là năm khó khăn với ngành chứng khoán do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu nói chung. Ban lãnh đạo Công ty Cổ Phần Chứng khoán Việt Tín đã đưa ra các quyết định chắc chắn và an toàn trong đường lối kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ VỀ HỆ THỐNG CNTT NĂM 2016:

- **Phần mềm:**

- -Hệ thống giao dịch và Quản lý môi giới chứng khoán của Công ty sử dụng phần mềm Megastock v 4.6 của nhà cung cấp phần mềm Công ty Thương mại và Dịch vụ RPSoft
- -Phần mềm Gateway với HNX và HSX: RPS – HNXGateway và Otech - HSXGateway của nhà cung cấp phần mềm Công ty Cổ Phần Otech.
- -Phần mềm RPS-Bank Gateway: Sử dụng phần mềm của nhà cung cấp phần mềm Công ty Thương mại và Dịch vụ RPSoft trong modul kết nối ngân hàng trực tuyến
- -Hệ thống cơ sở dữ liệu : Oracle 10

- -Hệ thống kế toán nội bộ: Sử dụng phần mềm của nhà cung cấp phần mềm kế toán Fast accounting; Tách bạch với kế toán giao dịch.
- Website và trading online : (Tại địa chỉ <https://www.viettin.vn/online>)
- Đã cung cấp đầy đủ các thông tin của các công ty niêm yết , các văn bản pháp quy của Ủy ban, Sở GDCK HNX, HSX lên website hàng ngày cho NĐT.
- Bảng giá: - Ổn định, nhanh, đầy đủ thông tin cung cấp cho NĐT trong việc ra quyết định giao dịch
- -Hệ thống Mail: - hoạt động ổn định ;
- -Hệ thống ghi âm cuộc gọi: hoạt động tốt, liên tục và sao lưu đầy đủ định kỳ.
- -Hệ thống SMS :hoạt động ổn định, tốt; Phục vụ đầy đủ thông tin cho NĐT

Tính ổn định:

- Hệ thống được chạy trên công nghệ Clustering (2 cặp máy chủ chạy song song và đồng bộ; 2 máy hoạt động thay đổi và liên tục). Do vậy, trong trường hợp 1 máy có sự cố, máy kia vẫn hoạt động bình thường. Đảm bảo tính liên tục và an toàn của hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến và nhà đầu tư.

Nghiệp vụ:

- Hệ thống đã đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ chung và cơ bản của môi giới và giao dịch chứng khoán với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và 2 Sở Giao dịch là HNX và HSX.
- Đã thực hiện tách bạch tài khoản tiền của Nhà đầu tư tại BIDV;
- Hệ thống kế toán nội bộ được sử dụng phần mềm của nhà cung cấp Fast Accounting ; tách bạch kế toán giao dịch và kế toán nội bộ.

Đánh giá chung:

- Hoàn toàn đáp ứng đầy đủ được các yêu cầu về giao dịch và quản lý môi giới chứng khoán trong tình hình thị trường hiện tại và kế hoạch trong tương lai.
- Có thể đáp ứng được 10,000 user giao dịch trực tuyến với tốc độ và an toàn cao.
- Đối với dịch vụ Tư vấn tài chính và Đầu tư chứng khoán: VTSS cung cấp đa dạng các dịch vụ Tư vấn cho quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp, tư vấn niêm yết trên sàn, tư vấn tái cơ cấu, mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A) và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các thủ tục

đăng ký để trở thành Công ty đại chúng và giao dịch trên sàn UPCOM theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Đội ngũ cán bộ chuyên môn thành thạo nghiệp vụ đủ chứng chỉ hành nghề.
- Hoạt động kinh doanh ổn định.

V. Quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín (“Hội đồng Quản trị”) do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, gồm 3 thành viên với cơ cấu và tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Vốn Điều lệ của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Đất Việt Nam – Đại diện: ông Ronald Nguyễn Anh Đạt – Chức vụ: chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Bà Hoàng Ngân Hà – Chức vụ: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
3. Bà Trương Thị Hoàng Lan – Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Thành viên Hội đồng Quản trị đều là các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Ronald Nguyễn Anh Đạt, tốt nghiệp Khoa Tài chính Kinh tế, trường Đại học New South Wales (Australia), đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, từng là Giám đốc tài chính cho các tập đoàn Liang Court Holdings và Asscot của Singapore. Bà Hoàng Ngân Hà, Bà Trương Thị Hoàng Lan đều là các chuyên gia tài chính, có nhiều năm kinh nghiệm, đã từng làm việc trong lĩnh vực tài chính cho nhiều công ty, dự án tại Việt Nam và nước ngoài.

b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, ngay từ đầu năm, Hội đồng Quản trị đã xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2016, trong đó khái quát được chương trình, kế hoạch, nội dung hoạt động của Hội đồng, đồng thời dự đoán những vấn đề có thể phát sinh, từ đó chủ động giải quyết mọi vấn

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

đề thuộc thẩm quyền. Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các phiên họp với những nội dung chủ yếu:

- Chấn chỉnh, tăng cường kiểm soát hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ theo đúng các qui định của Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các cơ quan có chức năng khác.

- Tiết kiệm chi phí, định biên lại nhân sự và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, kế hoạch đề ra của Công ty trong năm 2016, Hội đồng Quản trị cũng đã chỉ đạo sâu sát Ban Giám đốc thực hiện thành công việc điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty với phương châm liên tục tìm kiếm các khách hàng và thị trường tiềm năng, khai thác và mở rộng thị trường truyền thống bằng việc áp dụng công nghệ hiện đại, đầu tư các thiết bị tin học hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo niềm tin của các nhà đầu tư khi giao dịch với Việt Tín.

Năm 2016 vẫn là một năm khó khăn cho sự phát triển của thị trường chứng khoán nói chung, nhưng đã có nhiều khởi sắc trong khối lượng giao dịch môi giới. Chính vì lý do đó, Hội đồng quản trị cũng đã chỉ đạo Ban Giám đốc và các phòng ban có liên quan tìm các biện pháp nhằm phát triển mảng môi giới của Công ty.

Trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình, nhận thức được rằng cần phải tập trung mọi nguồn lực cho xây dựng, phát triển hoạt động, tuyệt đối tiết kiệm chi phí trong hoàn cảnh khó khăn, các thành viên Hội đồng Quản trị chỉ nhận các khoản lương, thưởng phù hợp tương ứng với vị trí điều hành như những người lao động, không có thêm bất cứ khoản lợi ích nào khác.

3. Ban kiểm soát:

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty đã thực hiện độc lập và nghiêm túc chức năng của mình trong các hoạt động:

- Giám sát tuân thủ, bảo đảm hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả.

- Liên tục tiến hành kiểm soát việc tuân thủ quy trình nghiệp vụ của các bộ phận kinh doanh và của các nhân viên hành nghề chứng khoán;

Bà Hoàng Ngân Hà

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Nghề nghiệp: Phó Chủ tịch Công ty

Số lượng cổ phần: 6.759.400

Tỷ lệ sở hữu cổ phần trong vốn Điều lệ: 48,98%

Công ty TNHH Đất Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101310858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày lần đầu ngày 9 tháng 8 năm 2002.

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Đại diện: Ông Ronald Nguyễn Anh Đạt

Số lượng cổ phần: 3.480.000

Tỷ lệ sở hữu cổ phần trong vốn Điều lệ: 25,217%.

VI, Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín được lập ngày 27 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

II
G
PT
T
EM

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

2.1 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		61,657,823,654	72,032,886,375
110	I. Tài sản tài chính		49,609,028,959	59,960,091,680
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	8,220,590,327	8,147,656,440
111.1	1.1 Tiền		8,220,590,327	8,147,656,440
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	14,595,916,691	14,595,916,691
116	3. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(3,108,281)	(1,479,200)
118	4. Trả trước cho người bán	7	22,638,385,174	22,638,385,174
119	5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	43,960	1,339,250
122	6. Các khoản phải thu khác	8	32,063,705,124	34,975,246,124
129	7. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(27,906,504,036)	(20,396,972,799)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		12,048,794,695	12,072,794,695
131	1. Tạm ứng		303,002	303,002
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	24,000,000
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	12,000,000,000	12,000,000,000
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	48,491,693	48,491,693
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35,634,677,125	35,490,021,708

210	I.	Tài sản tài chính dài hạn		4,934,485,537	4,862,103,592
212	1.	Các khoản đầu tư	5	5,340,000,000	5,340,000,000
212.4	1.1	Đầu tư dài hạn khác		5,340,000,000	5,340,000,000
213	2.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn		(405,514,463)	(477,896,408)
220	II.	Tài sản cố định		-	2,971,509
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	12	-	2,971,509
222	-	Nguyên giá		3,930,336,468	3,930,336,468
223a	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(3,930,336,468)	(3,927,364,959)
227	2.	Tài sản cố định vô hình	13	-	-
228	-	Nguyên giá		1,971,239,400	1,971,239,400
229a	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(1,971,239,400)	(1,971,239,400)
250	III	Tài sản dài hạn khác		30,700,191,588	30,624,946,607
251	1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2,000,000	2,000,000
252	2.	Chi phí trả trước dài hạn	14	29,520,080,000	29,520,080,000
254	3.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	1,178,111,588	1,102,866,607
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN			97,292,500,779	107,522,908,083
Mã số	NGUỒN VỐN		Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ		1,645,961,090	1,863,048,558
310	I.	Nợ phải trả ngắn hạn		1,645,961,090	1,863,048,558
320	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	16	188,315,001	218,315,001
322	2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	73,777,897	319,104,986
323	3.	Phải trả người lao động		44,346,626	293,844,368
324	4.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		989,201,185	791,179,285
329	5.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	350,320,381	240,604,918
400	D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		95,646,539,689	105,659,859,525
410	1.	Vốn chủ sở hữu	19	95,646,539,689	105,659,859,525
411	1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138,000,000,000	138,000,000,000

411.	1.				
1	1	Vốn góp của chủ sở hữu	138,000,000,000	138,000,000,000	
411.1a	a.	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	138,000,000,000	138,000,000,000	
417	2.	Lợi nhuận chưa phân phối	(42,353,460,311)	(32,340,140,475)	
417.	2.				
1	1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(42,353,460,311)	(32,340,140,475)	
440		TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	97,292,500,779	107,522,908,083	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
008	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	40,650,000	37,040,000
012	2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	12,537,480,000	12,537,480,000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	50,501,140,000	20,677,450,000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		50,490,140,000	20,363,450,000
021.4	b. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		10,000,000	10,000,000
021.5	c. Tài sản tài chính chờ thanh toán		1,000,000	304,000,000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23	869,030,000	-
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		869,030,000	-
026	3. Tiền gửi của khách hàng	24	1,115,854,024	2,060,920,807
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1,115,854,024	2,060,920,807
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	937,959,222	2,016,765,365

031.1	4.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		936,297,414	2,015,114,929
031.2	4.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1,661,808	1,650,436
035	5.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26	177,894,802	44,155,442

2.2 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
06	1.1	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	789,656,495	1,489,539,727
20		Cộng doanh thu hoạt động	789,656,495	1,489,539,727
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
24	2.1	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	(70,752,864)	(19,661,337)
27	2.2	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1,524,451,841	2,305,840,638
30	2.3	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	17,589,641	67,412,380
32	2.4	Chi phí các dịch vụ khác	-	3,160,000
40		Cộng chi phí hoạt động	1,471,288,618	2,356,751,681
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	27		
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	64,946,850	61,864,784
50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính	64,946,850	61,864,784
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
60		Cộng chi phí tài chính	-	-

62	V.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOẢN	28	9,237,471,855	7,427,621,381
70	VI.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(9,854,157,128)	(8,232,968,551)
	VII.	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	7.1	Thu nhập khác		552,755	1,647,500
72	7.2	Chi phí khác	29	159,715,463	70,063,918
80		Cộng kết quả hoạt động khác		(159,162,708)	(68,416,418)
90	VIII.	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(10,013,319,836)	(8,301,384,969)
91	8.1	Lợi nhuận đã thực hiện		(10,013,319,836)	(8,301,384,969)
100	IX.	CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
100	9.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	-
200	X.	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>(10,013,319,836)</u>	<u>(8,301,384,969)</u>
500	XI.	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	11.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	31	(726)	(602)

2.3 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(10,013,319,836)	(8,301,384,969)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định		2,971,509	131,256,565
04	- Các khoản dự phòng		7,438,778,373	5,640,359,575
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(64,946,850)	(61,864,784)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		1,295,290	(1,339,250)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		2,911,541,000	2,468,035,183
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(75,244,981)	(85,007,992)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		24,000,000	(24,000,000)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(30,000,000)	(128,670,820)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		198,021,900	(222,097,200)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(245,327,089)	125,667,320
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(249,497,742)	(24,219,471)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		109,715,463	75,604,916
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7,987,037	(407,660,927)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
65	1. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		64,946,850	61,864,784
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		64,946,850	61,864,784
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		72,933,887	(345,796,143)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		8,147,656,440	8,493,452,583
101.1	- Tiền		8,147,656,440	8,493,452,583
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		8,220,590,327	8,147,656,440
103.1	- Tiền		8,220,590,327	8,147,656,440

2.4 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG NĂM 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		190,085,426,100	370,898,578,200
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(189,048,763,900)	(370,052,399,000)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		895,596,815	3,260,111,222
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(3,011,065,158)	(5,108,343,237)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		593,650,317	1,250,858,824
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(459,910,957)	(1,229,466,742)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(945,066,783)	(980,660,733)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		2,060,920,807	3,041,581,540
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		2,060,920,807	3,041,581,540
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2,016,765,365	3,018,818,180
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		44,155,442	22,763,360
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		1,115,854,024	2,060,920,807
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1,115,854,024	2,060,920,807
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		937,959,222	2,016,765,365
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		177,894,802	44,155,442

2.5 BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2016

Năm 2016	Thuyết minh	01/01/2016 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2016 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138,000,000,000	-	-	138,000,000,000
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(32,340,140,475)	(10,013,319,836)	-	(42,353,460,311)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		105,659,859,525	(10,013,319,836)	-	95,646,539,689

Năm 2015	Thuyết minh	01/01/2015 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2015 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138,000,000,000	-	-	138,000,000,000
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(24,038,755,506)	(8,301,384,969)	-	(32,340,140,475)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		113,961,244,494	(8,301,384,969)	-	105,659,859,525

2.6 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016

1. THÔNG TIN CHUNG:

1.1 Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 138.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 138.000.000.000 đồng; tương đương 13.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY:

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334 khi so sánh với số liệu năm nay.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

a. Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính:

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b. Nguyên tắc phân loại:

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c. Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính:

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Điều hành chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị

PHỤ LỤC
CHẾ ĐỘ
HỌ TÊN

ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Năm 2016 Luật Kế toán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty chỉ thực hiện đánh giá lại chứng khoán khi có giá thị trường giảm so với giá gốc. Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

2.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Phương tiện vận tải: 06 năm

Thiết bị văn phòng: 03 năm

Phần mềm quản lý: 03 năm

2.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty nhận góp vốn tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014.

2.7 Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn:

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.9 Chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

2.11 Vốn chủ sở hữu:

www.vts.com.vn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.12 Doanh thu, thu nhập:

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

2.13 Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty:

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.14 Doanh thu tài chính:

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

2.15 Các khoản thuế:

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.16 Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu đã niêm yết (*)	29,416,691	47,186,550	29,416,691	50,663,200
Cổ phiếu OTC (**)	14,566,500,000		14,566,500,000	
	14,595,916,691	47,186,550	14,595,916,691	50,663,200

(*) Giá trị hợp lý được xác định căn cứ theo giá trị thị trường tại thời điểm 31/12/2016. Nguyên tắc xác định giá trị thị trường được trình bày tại mục c, thuyết minh này.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội	540,000,000	(2,021,255)	540,000,000	(1,183,465)
Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tín	4,800,000,000	(403,493,208)	4,800,000,000	(476,712,943)
	5,340,000,000	(405,514,463)	5,340,000,000	(477,896,408)

Căn cứ để trích lập dự phòng khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Nam Hà Nội và Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tín đang được đánh giá dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của các Công ty này.

c) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng năm nay		Giá trị lập dự phòng năm trước		Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Giá ghi sổ VND	Giá thị trường VND	Giá trị dự phòng VND	VND	
FVTPL						
- Cổ phiếu lẻ (1)	-	14,595,916,691	47,186,550	(3,108,281)	(1,479,200)	(1,629,081)
- Công ty CP Du lịch Huế (2)	646,248	14,150,000,000	-	-	-	-
- Công ty CP Tập đoàn Mai Linh (2)	73,500	416,500,000	-	-	-	-
		14,595,916,691	47,186,550	(3,108,281)	(1,479,200)	(1,629,081)

Ghi chú:

(1) Nguyên tắc tính xác định giá trị thị trường: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày lập báo cáo tài chính. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày lập báo cáo tài chính. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy niêm yết thì giá thị trường Công ty xác định bằng giá ghi sổ.

(2) Do Công ty không thu thập được báo giá tại 3 Công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm 31/12/2016 và không lấy được giá giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên của các cổ phiếu này. Vì vậy tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không thực hiện đánh giá giá trị thị trường của các khoản đầu tư này do không có cơ sở xác định giá thị trường.

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính thông qua lãi lỗ	3,108,281	1,479,200
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn	405,514,463	477,896,408
	408,622,744	479,375,608

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ứng trước mua văn phòng (*)	22,638,385,174	22,638,385,174
	22,638,385,174	22,638,385,174

(*) Khoản phải thu ứng trước tiền mua văn phòng cho ông Ngô Duy Nhung phát sinh từ thời điểm 28/05/2013 tuy nhiên không thu hồi được và Công ty đã thực hiện trích dự phòng toàn bộ đối với khoản công nợ này.

CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp	43,960	1,339,250
Phải thu thanh lý hợp đồng môi giới trái phiếu	947,000,000	1,080,000,000
Phải thu thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu	4,226,477,600	4,877,018,600
Phải thu thanh lý hợp đồng thuê văn phòng (1)	14,758,822,000	15,988,822,000
Phải thu thanh lý hợp đồng mua cổ phần (2)	11,939,150,000	12,837,150,000
Phải thu khác	192,255,524	192,255,524
	32,063,749,084	34,976,585,374

- (1) Khoản phải thu theo thanh lý hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng với Công ty TNHH Đất Việt Nam ngày 28/06/2014 với tổng số tiền là 16,4 tỷ đồng, tuy nhiên do không hoàn trả được số tiền đặt cọc theo đúng thời hạn trong thanh lý hợp đồng nên Công ty TNHH Đất Việt Nam đã đề nghị xin gia hạn và được Công ty chấp thuận với thời gian gia hạn 03 tháng/lần, số tiền thu hồi được trong năm 2016 là 1.230.000.000 đồng. Theo Công văn gia hạn lần thứ 10 thì khoản phải thu này được tiếp tục gia hạn đến hết ngày 01/03/2017.

- (2) Khoản phải thu theo thanh lý hợp đồng đặt mua cổ phần với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đông Triều ngày 28/06/2013, tuy nhiên do không hoàn trả được số tiền đúng hạn theo thanh lý hợp đồng nên Công ty CP Đầu tư và Thương mại Đông Triều đã đề nghị xin gia hạn và được Công ty chấp thuận với thời gian gia hạn 03 tháng/lần, số tiền thu hồi được trong năm 2016 là 898.000.000 đồng. Theo Công văn gia hạn lần thứ 14 thì khoản phải thu này được tiếp tục gia hạn đến hết ngày 25/03/2017.

11/11/2016

9 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

	Giá trị khoản phải thu	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay				
			Số đầu năm	Số trích lập VND	Số hoàn nhập VND	Số cuối năm VND	
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	32,063,705,124	5,365,733,124	(4,550,103,177)	(851,015,685)	133,000,000	(5,268,118,862)	
- Phí môi giới chứng khoán Công ty CP Tài chính Việt Tin	947,000,000	947,000,000	(1,080,000,000)	-	133,000,000	(947,000,000)	
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu	4,226,477,600	4,226,477,600	(3,413,913,020)	(812,564,580)	-	(4,226,477,600)	
- Công ty TNHH Đất Việt Nam	14,758,822,000	-	-	-	-	-	
- Công ty Cổ phần Dầu tư thương mại Đông Triều	11,939,150,000	-	-	-	-	-	
- Phải thu khác	192,255,524	192,255,524	(56,190,157)	(38,451,105)	-	(94,641,262)	
- Trả trước tiền mua văn phòng	22,638,385,174	22,638,385,174	(15,846,869,622)	(6,791,515,552)	-	(22,638,385,174)	
	54,702,090,298	28,004,118,298	(20,396,972,799)	(7,642,531,237)	133,000,000	(27,906,504,036)	

1 CẢM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGÂN
0 HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đặt cọc mua văn phòng (*)	12,000,000,000	12,000,000,000
	<u>12,000,000,000</u>	<u>12,000,000,000</u>

(*) Ngày 02/06/2014 Công ty đã ký kết hợp đồng với ông Hoàng Xuân Huy và chuyển tiền đặt cọc 12 tỷ để mua văn phòng, mở thêm Chi nhánh mới tại Hà Nội. Ngày 25/12/2015, Công ty và ông Huy đã ký Phụ lục hợp đồng gia hạn thời gian thực hiện của hợp đồng đến hết ngày 31/12/2016.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải thu Nhà nước	48,491,693	48,491,693
	<u>48,491,693</u>	<u>48,491,693</u>

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	1,505,810,000	2,424,526,468	3,930,336,468
Tại ngày 31/12/2016	<u>1,505,810,000</u>	<u>2,424,526,468</u>	<u>3,930,336,468</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	1,505,810,000	2,421,554,959	3,927,364,959
Khấu hao trong năm	-	2,971,509	2,971,509
Tại ngày 31/12/2016	<u>1,505,810,000</u>	<u>2,424,526,468</u>	<u>3,930,336,468</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	-	2,971,509	2,971,509
Tại ngày 31/12/2016	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng là: 3.930.336.468 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch với tổng nguyên giá là 1.971.239.400 đồng, các tài sản này đã hết khấu hao từ trước ngày 01/01/2016.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (*)	29,520,080,000	29,520,080,000
	<u>29,520,080,000</u>	<u>29,520,080,000</u>

(*) Theo Hợp đồng thuê văn phòng giữa Bà Hoàng Ngân Hà và Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín ngày 02/01/2010, Công ty phải thanh toán tiền đặt cọc tương đương với mười lăm (15) năm tiền thuê nhà. Tiền thuê nhà của các lần thanh toán sẽ được trừ dần vào số tiền đã đặt cọc. Tuy nhiên, theo Phụ lục hợp đồng ngày 01/07/2015, Công ty được miễn tiền thuê văn phòng từ 01/01/2015 đến 30/06/2016 và Phụ lục ngày 01/07/2016, Công ty được miễn tiền thuê văn phòng từ 01/07/2016 đến 30/06/2017, do đó Công ty không phân bổ vào chi phí trong năm.

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	338,712,475	338,712,475
Tiền nộp bổ sung	406,531,418	394,990,966
Tiền lãi phân bổ trong năm	432,867,695	369,163,166
Số dư cuối năm	<u>1,178,111,588</u>	<u>1,102,866,607</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Thương mại và giải pháp phần mềm RPS	80,000,000	110,000,000

Công ty TNHH Kim Ngân Hà	62,826,794	62,826,794
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Cây Cầu Vàng	24,600,000	24,600,000
Phải trả các đối tượng khác	20,888,207	20,888,207
	188,315,001	218,315,001

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	73,777,897	319,104,986
	73,777,897	319,104,986

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả tiền phạt của Ủy ban chứng khoán	165,000,000	165,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	185,320,381	75,604,918
	350,320,381	240,604,918

19. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2016	Tỷ lệ (%)	01/01/2016
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Đất Việt Nam	25.217%	34,800,000,000	22.60%	31,188,000,000
Bà Hoàng Ngân Hà	48.98%	67,594,000,000	48.98%	67,594,000,000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Tín	9.80%	13,524,000,000	9.80%	13,524,000,000
Ông Hoàng Trung Hiếu	9.80%	13,524,000,000	9.80%	13,524,000,000
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	3.883%	5,358,000,000	6.50%	8,970,000,000
Các cổ đông khác	2.32%	3,200,000,000	2.32%	3,200,000,000
	100%	138,000,000,000	100%	138,000,000,000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(42,353,460,311)	(32,340,140,475)
	<u>(42,353,460,311)</u>	<u>(32,340,140,475)</u>

20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	40,650,000	37,040,000
	<u>40,650,000</u>	<u>37,040,000</u>

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	12,537,480,000	12,537,480,000
	<u>12,537,480,000</u>	<u>12,537,480,000</u>

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	50,490,140,000	20,363,450,000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	10,000,000	10,000,000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1,000,000	304,000,000
	<u>50,501,140,000</u>	<u>20,677,450,000</u>

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	869,030,000	-
	869,030,000	-

24. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	1,115,854,024	2,060,920,807
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1,115,854,024	2,060,920,807
1.1. Nhà đầu tư trong nước	1,114,192,216	2,059,270,371
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	1,661,808	1,650,436
	1,115,854,024	2,060,920,807

25. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	937,959,222	2,016,765,365
1.1. Nhà đầu tư trong nước	936,297,414	2,015,114,929
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	1,661,808	1,650,436
	937,959,222	2,016,765,365

26. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	177,894,802	44,155,442
	177,894,802	44,155,442

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	64,946,850	61,864,784
	64,946,850	61,864,784

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	1,510,511,977	1,354,835,965
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	106,976,400	116,157,909
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	1,261,500
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	2,971,509	96,256,541
Chi phí thuế, phí và lệ phí	51,130,584	83,267,758
Chi phí dự phòng	7,509,531,237	5,660,020,912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38,816,000	90,139,340
Chi phí khác	17,534,148	25,681,456
	9,237,471,855	7,427,621,381

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	159,715,463	70,063,918
	159,715,463	70,063,918

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10,013,319,836)	(8,301,384,969)
Các khoản điều chỉnh tăng	159,715,463	70,063,918
- Chi phí không hợp lệ	159,715,463	70,063,918
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(9,853,604,373)	(8,231,321,051)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	-

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(10,013,319,836)	(8,301,384,969)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(10,013,319,836)	(8,301,384,969)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13,800,000	13,800,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(726)	(602)

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động môi giới chứng khoán và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu tiền phí môi giới chứng khoán			
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Tín (1)		947,000,000	1,080,000,000
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu			
Công ty CP Xăng Dầu Việt Tín (1)		4,226,477,600	4,877,018,600

Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng			
Công ty TNHH Đất Việt Nam	(1)	14,758,822,000	15,988,822,000
Số dư đầu tư góp vốn			
Công ty CP Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội	(1)	540,000,000	540,000,000
Công ty CP Xăng dầu Việt Tin	(1)	4,800,000,000	4,800,000,000
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần			
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Đông Triều	(1)	11,939,150,000	12,837,150,000
Phải thu đặt cọc mua văn phòng			
Ông Hoàng Xuân Huy	(2)	12,000,000,000	12,000,000,000
Trả trước tiền thuê văn phòng			
Bà Hoàng Ngân Hà	Phó Chủ tịch HĐQT	29,520,080,000	29,520,080,000

(1) Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tin đồng thời là Chủ tịch các Công ty này.

(2) Ông Hoàng Xuân Huy là bố đẻ bà Hoàng Ngân Hà - Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	144,000,000	144,000,000

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC. Do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo Tình hình tài chính (tên cũ là Bảng cân đối kế toán), Báo cáo kết quả hoạt động (tên cũ là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính.



CHỦ TỊCH H.Đ.QU.T

Ronald Nguyễn Anh Đạt